

Nâng cao nhận thức về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc góp vốn thành lập doanh nghiệp

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH*

Thực tế thời gian qua đã xuất hiện một số vụ việc doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký cao bất thường, gây xôn xao trong dư luận. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh và các thủ tục hành chính ngày càng được cải thiện theo hướng thuận lợi hơn, doanh nghiệp được quyền tự quyết các vấn đề của mình theo đúng tinh thần của Hiến pháp trên cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng có doanh nghiệp lợi dụng sự thông thoáng của pháp luật, cố tình kê khai khống vốn điều lệ, không góp đủ số vốn đã đăng ký, gây ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước, đến quyền và lợi ích của chính doanh nghiệp và các cá nhân có liên quan... Để giúp cho các doanh nghiệp nhận thức được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân khi gia nhập thị trường nói chung và góp vốn thành lập doanh nghiệp nói riêng, bài viết dưới đây sẽ phân tích rõ về vấn đề này.

KHUNG PHÁP LÝ QUY ĐỊNH VỀ GÓP VỐN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ CHẾ TÀI XỬ LÝ VI PHẠM

Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp khi gia nhập thị trường

Việc tạo thuận lợi thành lập doanh nghiệp với số vốn điều lệ doanh nghiệp được tự quyết là một trong những điểm nổi bật của Luật Doanh nghiệp nhằm cụ thể hóa quyền tự do kinh doanh của công dân theo quy định của Hiến pháp. Việc gia nhập thị trường tự do đã tạo ra những thay đổi tích cực của Việt Nam, hình thành một cộng đồng doanh nghiệp đông đảo, tạo ra động lực cho nền kinh tế phát triển trong thời gian qua. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới đã tăng từ 14,5 nghìn doanh nghiệp năm 2000 lên 134,9 nghìn doanh nghiệp trong năm 2020 (tăng 9,3 lần).

Về bản chất, việc đăng ký doanh nghiệp hiện nay hoàn toàn khác với việc cấp phép kinh doanh, tức là cơ quan đăng ký kinh doanh không có quyền “cho”. Trên cơ sở tôn trọng quyền tự do kinh doanh đã được Hiến pháp quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ “ghi nhận” ý chí, nguyện vọng tham gia vào thị trường của doanh nghiệp, trong đó có quyền tự kê khai vốn. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp do doanh nghiệp tự khai,

tự chịu trách nhiệm. Nếu hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Như vậy, quy định hiện hành Luật Doanh nghiệp đã trao quyền cho các doanh nghiệp trong việc quyết định mức vốn điều lệ. Việc đăng ký vốn góp của doanh nghiệp được thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh, theo trình tự thủ tục mà pháp luật quy định trong thời gian 3 ngày làm việc theo đúng cơ chế quản lý “tiền đăng hậu kiểm”.

Song song với việc quy định quyền, thì Luật Doanh nghiệp cùng các văn bản hướng dẫn thi hành cũng quy định rõ nghĩa vụ của doanh nghiệp. Người dân, doanh nghiệp là chủ thể của hành vi vi phạm, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Nguyên tắc này đã trở thành nguyên tắc cốt lõi trong đăng ký doanh nghiệp và được cụ thể hóa tại Luật Doanh nghiệp từ năm 1999 đến nay. Doanh nghiệp “chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của

* ThS., Phó Cục trưởng Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư



Nhân viên Sở Kế hoạch và Đầu tư trả kết quả đăng ký kinh doanh cho đại diện doanh nghiệp

thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó”. Đồng thời, Luật Doanh nghiệp cũng quy định rõ về các hành vi bị nghiêm cấm, trong đó có: “Kê khai khống vốn điều lệ, không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị”.

Quy định pháp luật về thời hạn góp vốn thành lập doanh nghiệp và trách nhiệm của người góp vốn

Vốn là yếu tố quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và là một trong những nội dung được quy định trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Do đó, Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã quy định cụ thể về tài sản góp vốn, thời hạn góp vốn, tăng, giảm vốn đối với từng loại hình doanh nghiệp nhằm tạo ra hành lang pháp lý để các doanh nghiệp thực hiện, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích của các đối tác, bạn hàng và người tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp.

Cụ thể, đối với các loại hình doanh nghiệp, thì quy định về góp vốn thành lập công ty như sau:

(i) Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên: “Thành viên phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã

cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết”; “Trường hợp có thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết, công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ phần vốn góp”. “Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và tỷ lệ phần vốn góp của thành viên” (Điều 47, Luật Doanh nghiệp năm 2020).

(ii) Đối với công ty TNHH một thành viên: “Chủ sở hữu công ty phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản. Trong thời hạn này, chủ sở hữu công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với phần vốn góp đã cam kết”. Trường hợp không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn quy định, “chủ sở hữu công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ bằng giá trị số vốn đã góp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ”. “Chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối

với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày cuối cùng công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo quy định” (Điều 75, Luật Doanh nghiệp năm 2020).

Tình trạng doanh nghiệp, người dân không hiểu đúng các quy định, hoặc lợi dụng sự thông thoáng của pháp luật để vi phạm, trục lợi chỉ là thiểu số, không thể vì thế mà thắt chặt quy trình “khai sinh doanh nghiệp”. Thực hiện cơ chế “tiền kiểm” thay vì “hậu kiểm” là đi ngược lại chủ trương của Chính phủ trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, không phù hợp với xu hướng chung về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên thế giới.

(iii) Đối với công ty cổ phần: “Các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần quy định một thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp cổ đông góp vốn bằng tài sản, thì thời gian vận chuyển nhập khẩu, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản đó không tính vào thời hạn góp vốn này”. “Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua”, “công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ, trừ trường hợp số cổ phần chưa thanh toán đã được bán hết trong thời hạn này; đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập” (Điều 113, Luật Doanh nghiệp năm 2020).

“Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời hạn trước ngày công ty đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ”. “Thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới về các thiệt hại phát sinh do không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định” (Điều 113, Luật Doanh nghiệp năm 2020).

Các quy định này buộc những người tham gia góp vốn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn do việc không góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết, qua đó, hạn chế việc ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của chính doanh nghiệp và các cá nhân có liên quan.

Rủi ro từ việc góp vốn thành lập doanh nghiệp không đúng quy định của pháp luật và các chế tài xử phạt

Việc doanh nghiệp không góp vốn đúng quy định của pháp luật sẽ dẫn đến rủi ro và tác động đến nhiều đối tượng.

Trước hết, các doanh nghiệp không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về góp vốn thành lập doanh nghiệp sẽ là đối tượng chịu ảnh hưởng đầu

tiên khi phải nhận hình thức xử phạt của các cơ quan chức năng.

Bên cạnh đó, các cổ đông hay thành viên góp vốn vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh. Nếu các cổ đông, thành viên đăng ký góp vốn điều lệ cao hơn so với thực tế, thì trách nhiệm bằng tài sản mà họ phải chịu cũng cao hơn.

Rủi ro có thể phát sinh với đối tác, bạn hàng của những doanh nghiệp này khi đặt niềm tin vào bản hồ sơ doanh nghiệp với mức vốn điều lệ cao, tiềm lực tài chính mạnh mà bỏ qua việc tìm hiểu kỹ về đối tác của mình.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước, việc đăng ký khống vốn điều lệ, không góp đủ vốn đăng ký cũng gây ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước, làm sai lệch thông tin về tình hình đăng ký doanh nghiệp, tác động đến bức tranh tổng thể về kinh tế của đất nước, cũng như ảnh hưởng đến sự minh bạch, an toàn của môi trường đầu tư kinh doanh...

Do đó, Luật Doanh nghiệp đã quy định hành vi “kê khai khống vốn điều lệ, không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị” là một trong những hành vi bị nghiêm cấm của doanh nghiệp.

Chế tài xử phạt đối với các doanh nghiệp vi phạm quy định về góp vốn thành lập doanh nghiệp đã được nêu cụ thể tại Nghị định số 50/2016/NĐ-CP, ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư. Cụ thể:

(i) Theo Khoản 3, Điều 28, Nghị định số 50/2016/NĐ-CP, hành vi “không đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh khi không góp đủ vốn Điều lệ như đã đăng ký” sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, đồng thời biện pháp khắc phục hậu quả kèm theo là buộc doanh nghiệp “đăng ký điều chỉnh vốn Điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp, cổ phần của các thành viên, cổ đông bằng số vốn đã góp”.

(ii) Đối với hành vi “cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị thực tế”: Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả kèm theo là “buộc định giá lại tài sản góp vốn và đăng ký vốn điều lệ phù hợp với giá trị thực tế của tài sản góp vốn”.

(iii) Đối với hành vi “kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp”: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Biện pháp khắc phục hậu quả kèm theo là “buộc đăng ký thay đổi và thông báo lại các thông tin doanh nghiệp đã kê khai không trung thực, không chính xác”.

Bên cạnh đó, trong trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, doanh nghiệp sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp, cá nhân khai không vốn nhằm mục đích lừa đảo, còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TRONG VIỆC GÓP VỐN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

Việc đơn giản hóa trình tự, thủ tục, trao sự chủ động trong đăng ký doanh nghiệp cho người dân là nhằm tạo điều kiện cho số đông doanh nghiệp có nhu cầu làm ăn, kinh doanh chân chính, muốn tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, cũng như đóng góp vào phát triển kinh tế đất nước. Tình trạng doanh nghiệp, người dân không hiểu đúng các quy định, hoặc lợi dụng sự thông thoáng của pháp luật để vi phạm, trục lợi chỉ là thiểu số, không thể vì thế mà thắt chặt quy trình “khai sinh doanh nghiệp”. Thực hiện cơ chế “tiền kiểm” thay vì “hậu kiểm” là đi ngược lại chủ trương của Chính phủ trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, không phù hợp với xu hướng chung về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên thế giới. Do đó, việc nâng cao nhận thức về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc góp vốn thành lập doanh nghiệp và các thủ tục gia nhập thị trường là hết sức cần thiết, trong đó, cần tập trung vào một số giải pháp, như:

Một là, tăng cường tuyên truyền, phổ

biến, nâng cao ý thức tuân thủ và chấp hành quy định pháp luật của người dân, doanh nghiệp.

Hai là, sửa đổi Nghị định số 50/2016/NĐ-CP, để đủ sức răn đe đối với hành vi vi phạm của doanh nghiệp; Tăng cường các quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính doanh nghiệp theo nguyên tắc: mỗi quy định ràng buộc hành vi của doanh nghiệp phải có chế tài xử phạt hữu hiệu khi doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định đó; Tăng chế tài xử lý đối với hành vi kê khai không vốn điều lệ, kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp...

Ba là, huy động sự tham gia của xã hội và của các chủ thể khác trong quản lý, giám sát doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Tiếp tục phát huy vai trò giám sát của cộng đồng các doanh nghiệp, hiệp hội, người tiêu dùng, các đối tác, bạn hàng, công luận... đối với các doanh nghiệp không trung thực trong việc sử dụng vốn điều lệ, nhằm phát hiện kịp thời những doanh nghiệp không tuân thủ pháp luật.

Bốn là, về phía các cơ quan quản lý nhà nước, cần tiếp tục thực hiện cơ chế “tiền đăng, hậu kiểm”, đặt trọng tâm của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp vào giai đoạn sau khi thành lập, cụ thể:

- Bổ sung nhân lực cho cơ quan thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; Nhiệm vụ “hậu kiểm” cần được phân công cho các bộ, ngành, các cơ quan quản lý địa phương một cách rõ ràng, không chồng chéo, không để khoảng trống, để đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh đều có cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm quản lý; Bố trí bộ phận hậu kiểm tại cơ quan đăng ký kinh doanh địa phương.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp trong quản lý, giám sát đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập, có cơ chế cảnh báo, phát hiện kịp thời vi phạm của doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý nhà nước cần nhận thức rõ trách nhiệm trong công tác hậu kiểm của mình. Theo đó, các bộ, cơ quan quản lý chuyên ngành chức năng có nhiệm vụ hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện quy định pháp luật trong lĩnh vực đó; xây dựng quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước của mình để doanh nghiệp thuận lợi trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực mình quản lý.

- Thực hiện chia sẻ, kết nối dữ liệu doanh nghiệp giữa các bộ, ngành và giữa bộ, ngành với địa phương. Ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong việc quản lý hành chính nhà nước, đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử là công cụ hữu hiệu để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2020). *Luật Doanh nghiệp*, số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020
2. Chính phủ (2016). *Nghị định số 50/2016/NĐ-CP*, ngày 01/6/2016, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư